

Tư tưởng Hồ Chí Minh về ngoại giao

Trần Thị Minh Tuyết *

Tóm tắt: Từ trong lịch sử xa xưa, cha ông ta đã biết đến vai trò quan trọng của ngoại giao như là một công cụ đấu tranh hòa bình với các quốc gia khác để đạt mục đích quốc phú, binh cường, nội yên, ngoại tĩn. Tiếp nối truyền thống đó, trong thế kỷ XX, nền ngoại giao cách mạng đã giành những thắng lợi rực rỡ dù phải đối đầu với nền ngoại giao chuyên nghiệp, đầy kinh nghiệm và không ít thù đoạn của các nước lớn. Để tạo dựng và dẫn dắt nền ngoại giao non trẻ, Hồ Chí Minh đã thấu tỏ vai trò quan trọng của ngoại giao và coi nó là một mặt trận quan trọng trong cuộc đấu tranh toàn diện của dân tộc. Ở mỗi chặng đường lịch sử, tư tưởng đúng đắn đó của Người luôn soi sáng cho nhận thức, hành động của nền ngoại giao cách mạng và góp phần làm nên những thắng lợi vĩ đại của dân tộc Việt Nam.

Từ khóa: Hồ Chí Minh; tư tưởng Hồ Chí Minh; Việt Nam; mặt trận ngoại giao.

Ngoại giao là cuộc đấu tranh bằng biện pháp hòa bình để bảo vệ lợi ích dân tộc, là một lĩnh vực hoạt động rất quan trọng của sự nghiệp cách mạng. Quan điểm đó của Hồ Chí Minh vừa được thể hiện qua những đánh giá trực tiếp về hoạt động này, vừa được thể hiện gián tiếp qua những hoạt động ngoại giao thực tiễn của Người.

Không ít lần Hồ Chí Minh thể hiện sự đánh giá cao vai trò của ngoại giao. Người nói: “Dùng binh giỏi nhất là đánh bằng mưu. Thứ hai đánh bằng ngoại giao. Thứ ba mới là đánh bằng binh”⁽¹⁾. Người còn khái quát: “Ngoại giao ai thuận lợi hơn, thì thắng”⁽²⁾. Đánh giá cao vai trò của ngoại giao nên Nghị quyết của Hội nghị Tân Trào diễn ra trước Tổng khởi nghĩa đã đặt “Vấn đề ngoại giao” thành mục riêng ngang với mục “Chủ trương của Đảng” và mục “Nhiệm vụ quân sự”⁽³⁾. Khi cuộc kháng chiến chống Mỹ bước vào giai đoạn quyết liệt nhất, cụm từ

mặt trận ngoại giao chính thức ra đời trong Văn kiện của Hội nghị Trung ương Đảng lần thứ 13 (khóa III) năm 1967: “Đấu tranh quân sự và chính trị ở miền Nam là nhân tố quyết định sự thắng lợi trên chiến trường, làm cơ sở cho thắng lợi trên *mặt trận ngoại giao*”. Đến tháng 4 năm 1969, Nghị quyết Bộ Chính trị tiếp tục khẳng định: “ngoại giao trở thành một *mặt trận quan trọng, có ý nghĩa chiến lược*”. Việc thay đổi các cụm từ khi nói về ngoại giao như từ “cuộc đấu tranh ngoại giao”, “vấn đề ngoại giao”, thành “*mặt trận ngoại giao*”, “ngoại giao trở thành mặt trận quan trọng”... đã thể hiện *sự đánh giá ngày càng cao* của Đảng ta và Hồ

* Tiến sĩ, Học viện Báo chí và Tuyên truyền.

ĐT: 0913538837. Email: tuyetminh1012@gmail.com

⁽¹⁾ Hồ Chí Minh (2002), *Toàn tập*, t.3, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, tr.518.

⁽²⁾ *Sđd*, tr.514.

⁽³⁾ Đảng Cộng sản Việt Nam (1999), *Văn kiện Đảng toàn tập*, t.3, tr.415 - 417.

Chí Minh về vai trò của công tác ngoại giao trong sự nghiệp cách mạng.

Việc đề cao vai trò của ngoại giao Hồ Chí Minh không chỉ thể hiện bằng lời nói mà còn bằng *cuộc đấu tranh quyết liệt nhằm bảo vệ chủ quyền ngoại giao dân tộc*. Ngay sau cách mạng Tháng Tám, Đảng ta và Hồ Chí Minh đã xác định rằng: “Sau vấn đề phòng thủ, *ngoại giao là một vấn đề cần yếu cho một nước độc lập*”⁽⁴⁾; từ đó đã kiên quyết đấu tranh *giữ vững chủ quyền ngoại giao* và coi đó là *biểu hiện quan trọng của nền độc lập*. Người viết: “Nếu quân đội và ngoại giao Việt Nam ở dưới quyền Pháp tức là Việt Nam chưa độc lập và vẫn là thuộc địa của Pháp”. Vì vậy, để đẩy lùi nguy cơ của cuộc chiến tranh Việt - Pháp, Người chấp nhận ký *Hiệp định Sơ bộ ngày 6 tháng 3 năm 1946* với điều khoản “Việt Nam là quốc gia tự do trong khối liên hiệp Pháp” nhưng kiên quyết đấu tranh để *có ngoại giao riêng, có quyền phái đại sứ và lãnh sự đi các nước*. Ngay cả khi chiến tranh đã bùng nổ, vào tháng 3 năm 1947, Người tiếp tục khẳng định: “Nếu nước Pháp ưng thuận để nước ta *thống nhất và độc lập, đủ quyền kinh tế, quân sự và ngoại giao* thì dân ta rất sẵn sàng hợp tác thân thiện trong khối Liên hiệp Pháp”. *Việc kiên quyết đấu tranh đến cùng để giữ vững chủ quyền ngoại giao* của dân tộc đã chứng tỏ Hồ Chí Minh rất đề cao vai trò của hoạt động này.

Không chỉ vậy, *trong mọi chặng đường cách mạng*, Hồ Chí Minh luôn đưa hoạt động ngoại giao vào “*tổng lộ trình*” đấu tranh cách mạng. Trong những năm 1945 - 1946 (thời điểm vận mệnh dân tộc ngàn cân treo sợi tóc), vai trò của ngoại giao trở nên đặc biệt quan trọng vì các mặt trận khác như quân sự, kinh tế của ta rất khó khăn mà

kẻ thù thì quá nhiều. Khi đó, Hồ Chí Minh đã *sử dụng ngoại giao như một công cụ tài tình để phân hóa kẻ thù, thực hiện sách lược “thêm bạn bớt thù”*. Người cũng kiên nhẫn thực hiện các cuộc *đàm phán ngoại giao* để bảo vệ hòa bình, ngăn chặn chiến tranh. Hiệp định Sơ bộ ngày 6 tháng 3 năm 1946 và Tạm ước ngày 14 tháng 9 năm 1946 mà Người đã ký kết với Chính phủ Pháp đã thể hiện *sự coi trọng công cụ đàm phán ngoại giao* trong việc giải quyết xung đột giữa các quốc gia.

Khi cuộc kháng chiến chống Pháp bùng nổ, cuộc đấu tranh ngoại giao đã được Người thực hiện để *tổ cáo cuộc chiến tranh phi nghĩa của Pháp, kêu gọi sự ủng hộ* cho cuộc đấu tranh chính nghĩa của dân tộc Việt Nam, nhất là nhân dân Pháp, vận động các nước xã hội chủ nghĩa (XHCHN) như Liên Xô, Trung Quốc công nhận và đặt quan hệ ngoại giao với Việt Nam Dân chủ cộng hòa, phá thế “*đơn thương độc mã*”. Việc kết thúc chiến tranh Việt - Pháp (1945 - 1954) bằng cuộc đấu tranh ngoại giao tại *Hội nghị Giơnevơ* cũng thể hiện thiện chí của Hồ Chí Minh và dân tộc Việt Nam sẵn sàng thương lượng và giải quyết xung đột bằng phương pháp ngoại giao.

Trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, Đảng ta và Hồ Chí Minh đã *mở rộng quy mô* cuộc đấu tranh ngoại giao bằng cách thực hiện công tác ngoại giao của 2 tổ chức có tính pháp lý độc lập: Việt Nam Dân chủ Cộng hòa (một quốc gia có chủ quyền) và Mặt trận Dân tộc giải phóng Miền Nam Việt Nam (tổ chức đại diện cho nhân dân Miền Nam với khát vọng giải phóng). Cuộc đấu tranh ngoại giao sôi động của cả 2 chủ

⁽⁴⁾ Đảng Cộng sản Việt Nam (2000), *Văn kiện Đảng toàn tập*, t.8, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, tr.290.

thể đó đã cô lập cao độ kẻ thù, tập hợp lực lượng trên quy mô toàn thế giới, tranh thủ sự giúp đỡ to lớn của các nước XHCN, mở ra giai đoạn “vừa đánh vừa đàm” để nhanh chóng chấm dứt chiến tranh.

Trong mọi chặng đường cách mạng, Hồ Chí Minh đều *dùng ngoại giao như công cụ hữu hiệu để đi đến thắng lợi*. Đó là sự thể hiện chắc chắn nhất, chân thực nhất của việc Hồ Chí Minh luôn đề cao vai trò của hoạt động ngoại giao.

Dù đánh giá rất cao vai trò của ngoại giao nhưng Hồ Chí Minh không bao giờ cho rằng ngoại giao đóng vai trò độc tôn mà ngược lại, cho rằng hoạt động ngoại giao phải liên kết chặt chẽ với các hoạt động chính trị, quân sự... Trong sự nghiệp cách mạng, *ngoại giao là một trong ba mặt trận đấu tranh cơ bản và các hoạt động ngoại giao, chính trị, quân sự luôn bổ trợ mạnh mẽ cho nhau*. Chính vì vậy, năm 1950, khi các nước XHCN như Trung Quốc, Liên Xô công nhận và đặt *quan hệ ngoại giao* với nước ta thì Hồ Chí Minh coi “đó là một *thắng lợi lớn về chính trị*”⁽⁵⁾. Người nói: “Chắc rằng thắng lợi về chính trị ấy sẽ là cái đà cho những *thắng lợi quân sự* sau này”⁽⁶⁾. Ngược lại, *thắng lợi về quân sự là điều kiện quan trọng quyết định thắng lợi về ngoại giao* vì “người ta chỉ nhận được những gì trên bàn đàm phán tương đương với những gì trên chiến trường”. Nói về tác động của quân sự, chính trị tới đàm phán ngoại giao, Người nói: “Những thắng lợi quân sự, chính trị của ta làm cho địa vị ngoại giao của ta ở Giơnevơ vững chắc, buộc địch phải nói chuyện với ta”⁽⁷⁾. Trong kháng chiến chống Mỹ, Người nói: “Bây giờ trong nước ta cứ đánh cho thắng thì ngoại giao dễ làm ăn”. Sự liên kết chặt chẽ giữa

các lĩnh vực chính trị, quân sự và ngoại giao dẫn đến yêu cầu phải phối hợp nhịp nhàng các hoạt động đó trong một cuộc đấu tranh. Vì vậy, trong cuộc đối đầu với Mỹ, Người chủ trương: “Một tay *đánh*, một tay *mở cho nó ra*, trước cửa cần có rèm chống”⁽⁸⁾. Sách lược “vừa đánh, vừa đàm” đúng đắn trong kháng chiến chống Pháp và chống Mỹ đã thể hiện sự liên kết chặt chẽ giữa quân sự với chính trị và ngoại giao trong cuộc chiến tranh *toàn diện*. Tuy nhiên, trong từng giai đoạn, *mặt trận nào là trọng yếu* thì phải “phân tích cụ thể một tình hình cụ thể”. *Có những thời điểm mà ngoại giao đóng vai trò đặc biệt chủ động và tích cực*. Hội nghị Trung ương lần thứ 13 của Đảng năm 1967 đã khẳng định: “Đấu tranh ngoại giao không chỉ đơn thuần phản ánh cuộc đấu tranh trên chiến trường, mà trong tình hình quốc tế hiện nay đối với tính chất cuộc chiến tranh giữa ta và địch, *cuộc đấu tranh ngoại giao giữ một vai trò quan trọng, tích cực và chủ động của nó*”. Lời căn dặn của Hồ Chí Minh với đoàn đàm phán tại Hội nghị Pari năm 1969 thể hiện rõ quan điểm đó: “Tiến công ngoại giao là một mặt tiến công có ý nghĩa chiến lược lúc này”⁽⁹⁾. Đúng trên quan điểm toàn diện và quan điểm lịch sử cụ thể, Hồ Chí Minh đã *đánh giá đúng vị trí, vai trò* của công tác ngoại giao và mối liên hệ biện chứng của nó với các lĩnh vực khác của cách mạng.

Tuy đề cao vai trò của ngoại giao nhưng

⁽⁵⁾ Hồ Chí Minh (2002), *Toàn tập*, t.6, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, tr.32.

⁽⁶⁾ *Sđđ*, t.6, tr.81.

⁽⁷⁾ *Sđđ*, t.7, tr.313.

⁽⁸⁾ (1990), *Sự nghiệp và tư tưởng quân sự của Hồ Chí Minh*, Nxb Quân đội nhân dân, Hà Nội, tr.223.

⁽⁹⁾ Hồng Hà (1999), *Bác Hồ trong trái tim các nhà ngoại giao*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, tr.36-37.

Hồ Chí Minh luôn cho rằng, *ngoại giao chỉ phát huy vai trò và công dụng trên cơ sở thực lực dân tộc*, trên nền tảng *sức mạnh tổng hợp của đất nước* từ mọi phương diện: kinh tế, chính trị, quân sự... Người viết: “Nếu tự mình không có thực lực làm cơ sở thì không thể nói gì đến ngoại giao”⁽¹⁰⁾. Người còn ví dụ: “Thực lực như cái chiêng, ngoại giao như tiếng chiêng, chiêng có to tiếng mới lớn”⁽¹¹⁾. Có nghĩa là, thắng lợi ngoại giao lớn hay nhỏ, hoạt động ngoại giao thuận lợi hay khó khăn tùy thuộc vào *thực lực dân tộc*. Thực tế đã chứng minh quan điểm đó của Hồ Chí Minh là đúng đắn. Rõ ràng nếu không có những chiến thắng to lớn của quân dân ta trong gần 9 năm kháng chiến chống thực dân Pháp thì không thể có Hội nghị và Hiệp định Giơnevơ. Nếu không có thắng lợi của quân dân hai miền Nam - Bắc thì không có Hội nghị và Hiệp định Pari. Về điểm này chính Người đã tổng kết: “Ngoại giao ở Hội nghị Giơnevơ thắng lợi là vì Điện Biên Phủ thắng lớn. Bây giờ cũng thế, đánh thắng lớn thì ngoại giao thắng nhiều. Không cứ gì ở ta mà ở nước nào cũng vậy. Cố nhiên ngoại giao là rất quan trọng, nhưng cái vốn chính là mình phải đánh thắng và mình phải có sức mạnh thì ngoại giao sẽ thắng”. Mặt khác, thắng lợi trên mặt trận ngoại giao sẽ tạo tiền đề để tăng cường thực lực cách mạng, tạo “thế” cho đất nước trong quan hệ chính trị quốc tế. Việc Việt Nam Dân chủ Cộng hòa thiết lập được quan hệ ngoại giao với Trung Quốc, Liên Xô và các nước XHCN khác trong năm 1950 đã tạo một “thế đứng” mới cho cách mạng Việt Nam và gia tăng sức mạnh quân sự cho Việt Nam.

Như vậy, Hồ Chí Minh thấu tỏ tầm quan

trọng của công tác ngoại giao, thấy rõ mối quan hệ giữa ngoại giao và các mặt trận khác, sự phụ thuộc của ngoại giao vào thực lực dân tộc, tính chủ động tương đối của công tác ngoại giao trong những thời điểm cụ thể. Với tư duy biện chứng, Hồ Chí Minh đã đặt công tác ngoại giao vào vị trí thích đáng nên công năng của nó được phát huy cao độ để góp phần vào thắng lợi của cách mạng.

Khi thực dân Pháp nổ súng xâm lược Việt Nam, trên mảnh đất này liên tiếp diễn ra những cuộc “đấu tranh tuyệt vọng”. Sự thất bại của cha ông được lý giải bởi những hạn chế trong đường lối cứu nước, mà cụ thể là lực lượng trong nước chưa mang tính dân tộc rộng rãi, lực lượng quốc tế hoàn toàn thiếu vắng. Quan hệ quốc tế và sự tìm kiếm đối tác liên kết khi đó bị giới hạn trong vài quốc gia láng giềng “đồng chủng, đồng văn”. Vì vậy, mà khi đất nước nguy khốn, Tôn Thất Thuyết đã sang cầu viện nhà Thanh, Phan Bội Châu sang cầu viện Nhật... Hơn nữa, hoạt động mang tính ngoại giao của cha ông mới ở mức tự phát, chưa người nào trong số họ có được sự phân tích khoa học về cục diện thế giới và mối quan hệ giữa thế giới và Việt Nam. Cũng không ai trong số họ xác định được rằng, cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc chống kẻ thù mạnh phải là cuộc đấu tranh toàn diện, trong đó đấu tranh ngoại giao là lĩnh vực không thể thiếu.

Với sự sáng suốt phi thường, Hồ Chí Minh đã lựa chọn con đường cách mạng vô sản để giải phóng dân tộc và Người hiểu

⁽¹⁰⁾ Hồ Chí Minh (2002), *Toàn tập*, t.3, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, tr.459.

⁽¹¹⁾ *Sđđ*, t.4, tr.126.

rằng, *sự nghiệp cách mạng là hợp lực của nhiều lĩnh vực mà ngoại giao là một lĩnh vực quan trọng*. Để thực hiện cuộc đấu tranh ngoại giao, Hồ Chí Minh bắt đầu *tìm hiểu quan hệ quốc tế ở quy mô thế giới* vì “chưa biết mưu mô của các nước thì không thể ngoại giao”⁽¹²⁾. Hồ Chí Minh là người Việt Nam đầu tiên *nâng nhân tố thế giới, nhân tố thời đại lên tầm quan trọng đặc biệt* khi khẳng định “điểm mấu chốt của cách mạng thành công là phải *nhận thấy rõ luật thiên hạ tiến hóa* để bước tới đường chính đạo”⁽¹³⁾. Từ những nhận thức đó, những hoạt động ngoại giao của Hồ Chí Minh được tiến hành tích cực trên quy mô quốc tế. Bằng *Bản yêu sách* nổi tiếng gửi hội nghị Vécxay, Người đã giới thiệu trước nhân dân thế giới và các cường quốc về *sự tồn tại của Việt Nam*, một dân tộc đang chịu nhiều đau đớn do chủ nghĩa thực dân. Để thiết lập các quan hệ quốc tế, Người đã thành lập *Hội liên hiệp thuộc địa* tại Pháp vào năm 1922, *Hội liên hiệp các dân tộc bị áp bức ở Á Đông* vào năm 1925, vận động Quốc tế Cộng sản và các Đảng Cộng sản Tây Âu ủng hộ cách mạng ở nước Việt Nam thuộc địa... Những hoạt động đó của Người đã làm cho *thế giới biết đến Việt Nam và những quan hệ quốc tế đầu tiên được khai phá*. Như vậy, *hoạt động ngoại giao được tiến hành một cách có ý thức, có phương hướng trên cơ sở phân tích một cách khoa học cục diện thế giới, được thực hiện trên quy mô quốc tế rộng lớn* chứ không phải là biện pháp tình thế, tự phát, may mò. Đó là quan điểm vượt trội của Hồ Chí Minh so với cha ông.

Việc đề cao vai trò của công tác ngoại giao còn xuất phát từ khả năng tri kỷ, tri bỉ của Người. Người nói: “Địch quân sự mạnh nhưng chính trị yếu. Ta chính trị mạnh

nhưng quân sự yếu”⁽¹⁴⁾. Trong hoàn cảnh của Việt Nam, nếu dùng sức mạnh quân sự để đối đầu sức mạnh quân sự thì sẽ không khác gì sự tự sát. Vì thế, phải dùng ngoại giao, phải kết hợp ngoại giao với chính trị và quân sự để cân bằng sức mạnh tổng thể; phải dùng ngoại giao để đề cao sức mạnh chính trị của ta, phơi bày cái yếu về chính trị của kẻ thù trước dư luận thế giới và dùng dư luận thế giới để khống chế cái mạnh về quân sự của kẻ thù. Tôn Tử từng có câu: “Tri kỷ, tri bỉ bách chiến bất đãi; Bất tri bỉ nhi tri kỷ, nhất thắng nhất phụ; bất tri bỉ, bất tri kỷ mỗi chiến tất đãi” (có nghĩa là: biết mình, biết người trăm trận không thất bại; chỉ hiểu mình, không hiểu người khả năng thắng bại phân đôi, không biết mình, không biết người trận nào cũng thua). Để phân định tường minh cái mạnh, cái yếu của ta và của địch, con người ta không chỉ cần ánh sáng của trí tuệ mà còn cần lòng thành thật, sự dũng cảm dám nhìn vào sự thật để hóa giải sự thật. Cái *tri* gắn liền với cái *dũng*, cái *tình* cao cả là phẩm chất của nhà ngoại giao Hồ Chí Minh.

Sự sáng suốt của Hồ Chí Minh khi phân tích vai trò của công tác ngoại giao còn thể hiện ở chỗ, mặc dù rất đề cao vai trò của công tác ngoại giao (điều này được Người thể hiện không chỉ bằng ngôn từ mà nhiều hơn là bằng cả sự nghiệp đấu tranh ngoại giao sôi động) nhưng Hồ Chí Minh *không đẩy vai trò của ngoại giao lên vị trí độc tôn*. Người quan niệm sự nghiệp cách mạng như một cơ thể sống không ngừng phát triển và

⁽¹²⁾ *Sđđ*, t.3, tr.527.

⁽¹³⁾ Viện Nghiên cứu Chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh (2008), *Hồ Chí Minh biên niên tiểu sử*, t.3, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, tr.465.

⁽¹⁴⁾ *Sđđ*, t.8, tr.137.

bao gồm các lĩnh vực hoạt động khác nhau, ngoại giao vừa tác động mạnh mẽ, vừa phụ thuộc vào các lĩnh vực hoạt động khác. *Không đề cao vai trò của lĩnh vực này bằng cách hạ thấp vai trò của lĩnh vực khác, đó là kết quả của lối tư duy mang tính hệ thống, biện chứng và khả năng khái quát cao của Hồ Chí Minh.*

Bàn về vai trò của ngoại giao, Hồ Chí Minh còn chỉ rõ, *ngoại giao phải dựa trên thực lực.* Quan điểm này của Người trước hết xuất phát từ đường lối *độc lập tự chủ* của cách mạng Việt Nam. Khi tư tưởng chỉ đạo đó thấm vào từng lĩnh vực hoạt động cách mạng, trong đó có ngoại giao thì ngoại giao đương nhiên phải lấy *sức mạnh bên trong làm điểm tựa.* Hồ Chí Minh viết: *“Ta có mạnh thì họ mới đếm xia đến. Ta yếu thì ta chỉ là một khí cụ trong tay người kẻ khác, dầu là kẻ ấy có thể là bạn đồng minh của ta vậy”*⁽¹⁵⁾. Trong quan hệ quốc tế, nếu ta không có thực lực, không có điểm tựa bên trong, không có gì để nước khác trông đợi thì không thể có sự hợp tác chặt chẽ. Đối với một nước nhỏ lại phải đối đầu với các nước lớn và thực thi những nhiệm vụ cách mạng nặng nề, *thì cần thấu hiểu vai trò của thực lực dân tộc* trong cuộc đấu tranh ngoại giao để rồi *cố gắng nâng mình thành đối tác* trong quan hệ quốc tế. Về điều này, Hồ Chí Minh nói: *“Bây giờ ngoại giao của ta càng ngày càng khó”*⁽¹⁶⁾. Việc nhìn thẳng vào thực chất quan hệ quốc tế, vào hiện trạng khó khăn để rồi hóa giải nó bằng cách nâng cao nội lực của đất nước chính là *sự thẳng thắn trong suy nghĩ và sự mạnh mẽ trong hành động của Người.*

Với tất cả sự sáng suốt và từng trải của một chính khách tầm cỡ quốc tế, Hồ Chí

Minh đã đặt công tác ngoại giao vào *đúng vị trí của nó trong một cuộc đấu tranh toàn diện* và nhờ đó, ngoại giao đã trở thành công cụ đắc lực để biến “nguy thành an”, nâng cao sức mạnh của dân tộc. Tri để hành, *nhận thức đúng để hành động đúng* là năng lực của nhà ngoại giao thiên tài Hồ Chí Minh.

Tư tưởng của Hồ Chí Minh về ngoại giao đúng đắn, sâu sắc, sinh động và giàu sức khái quát. Những *nhận thức khoa học, tường minh được chứa đựng trong những luận điểm giản dị, ngắn gọn* của Người về vấn đề này đã trở thành kim chỉ nam cho nền ngoại giao cách mạng non trẻ. Trong những năm tháng chiến tranh chống Pháp và chống Mỹ, ngoại giao đã góp phần kết thúc *nhANH chóng và làm nhẹ* những cuộc chiến tranh lâu dài, ác liệt bằng Hiệp định Giơnevơ, Hiệp định Pari... Trong bối cảnh toàn cầu hóa, vai trò của ngoại giao càng lớn khi phải tạo dựng môi trường quốc tế thuận lợi cho công cuộc xây dựng và bảo vệ tổ quốc. Nhất là khi Biển Đông đã và sẽ còn nổi sóng, ngoại giao càng có vai trò đặc biệt quan trọng. Để hoàn thành những trọng trách to lớn đó, ngoại giao Việt Nam hiện đại phải có điểm tựa tinh thần vững chắc là những tinh hoa ngoại giao truyền thống và những giá trị minh triết trong tư tưởng ngoại giao Hồ Chí Minh. Vì vậy, việc nắm vững những quan điểm sâu sắc của Hồ Chí Minh về mặt trận ngoại giao sẽ giúp dân tộc ta vững vàng ra biển lớn.

⁽¹⁵⁾ Đảng Cộng sản Việt Nam (1999), *Văn kiện Đảng toàn tập*, t.3, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, tr.292.

⁽¹⁶⁾ Học viện Quan hệ quốc tế (1994), *Bác Hồ nói về ngoại giao*, Hà Nội, tr.22.

